

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 26/2022/HSST
Ngày 08 - 4 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Thiện

Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Việt

Bà Đỗ Thị Lài

Ông Nguyễn Ngọc Cang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Hồ Thị S, sinh năm 1960 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Hồ H3 (đã chết); Mẹ: Trần Thị H (đã chết); Chồng: Phạm Văn Q (đã chết) và không có con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số: 43/1995/HSST ngày 16 tháng 5 năm 1995 Tòa án nhân dân T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt Hồ Thị S 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân*” chưa xóa án tích.

Bị bắt ngày 08/6/2021 (Có mặt).

2/ Lâm Chí T, sinh năm 1958 tại Khánh Hoà; HKTT: thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Cha: Lâm Chí L (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1937; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 và có

03 người con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt ngày 01/9/2021 (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị S, Lâm Chí T:* Luật sư Lê Biên Phòng – Văn phòng luật sư Gia Hân thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

* *Bị hại:*

1. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1956. Địa chỉ: phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Trần Thuý N, sinh năm 1967. Địa chỉ: phường 4, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị M (Mơ), sinh năm 1970. Địa chỉ: phường Thắng Tam, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

5. Công ty cổ phần A. Địa chỉ: phường 2, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Công ty cổ phần A ông Nguyễn Vĩnh L – Giám đốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và theo diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Thị S có mối quan hệ tình cảm với Lâm Chí T (làm nghề phô tô, in tài liệu tại thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) từ năm 2002. Trong thời gian quen nhau từ năm 2006 đến cuối năm 2007, do cần tiền trả nợ và tiêu xài nên S đã nảy sinh ý định làm giả các giấy tờ nhà đất của gia đình S sau đó sử dụng lừa thế chấp vay tiền nhiều người rồi chiếm đoạt. S đưa cho T xem các giấy tờ nhà đất của gia đình S rồi nhờ T làm giả. Biết S cần tiền trả nợ và sẽ sử dụng giấy tờ nhà đất giả để tạo lòng tin, thế chấp vay tiền người khác nhưng T vẫn đồng ý giúp S. T xem các thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở rồi tự tìm mẫu con dấu, mẫu giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và nhà ở trên mạng, đánh thông tin in ra 01 sơ đồ vị trí đất giả (thửa số 152 - cũ 322, có chữ ký mang tên “Lê Nhựt” ngày 16/5/2003) và 7 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà giả tại địa chỉ: 34/4 Nguyễn Bình Khiêm (nay là 56 Nguyễn Bình Khiêm), phường 2, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gồm: 02 giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 do UBND T phố Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2003 đứng tên Hồ Thị S; 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số M393741 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28/8/1998 đứng tên

hộ ông Hồ H3; 3 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 7201020938 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/8/2001 đứng tên ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1 đưa cho S. S sử dụng các giấy tờ nhà đất giả trực tiếp thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của 4 cá nhân và D nghiệp như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Bà Phạm Thị Ch, ông Nguyễn Vĩnh L và Bà Trần Thị H .

- Ngày 19/8/2006, S hỏi vay Bà Phạm Thị Ch (sinh năm 1956, địa chỉ: phường 2, Tp. Vũng Tàu) số tiền 500.000.000 đồng và đưa giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938 giả để bà Ch xem và đảm bảo khoản vay. Bà Ch tin giấy tờ nhà đất S đưa là thật nên đồng ý cho S vay tiền. Sau đó, S chở bà Trần Thị H1 (mẹ của S, sinh năm 1921) đến nhà bà Ch ký hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở với giá 1000.000.000 đồng, và nhận đặt cọc trước 500.000.000 đồng để hợp thức hoá số tiền S vay của bà Ch.

Đến năm 2007, S không trả được nợ, bà Ch yêu cầu S và bà H1 ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất thì bà Ch phát hiện giấy tờ S giao bà Ch giữ là giả. Nên ngày 16/7/2007, S ký giấy cam kết và cùng bà H1 ký hợp đồng công chứng nhận nợ bà Ch số tiền 939.000.000 đồng gồm gốc và lãi của khoản vay 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 02/8/2007 với lãi suất 5%/1 tháng.

- Ngày 28/8/2006, S đưa bà H1 (mẹ của S) đến nhà Bà Trần Thị H (Sinh năm 1960, địa chỉ: phường Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) hỏi vay số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 4%/1 tháng, thời hạn vay 6 tháng và S đã sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938, M393741 giả đưa cho bà H làm tin. Bà H tưởng giấy tờ nhà đất S đưa là thật nên đã đồng ý cho S vay số tiền 250.000.000 đồng.

- Ngày 15/6/2007, biết Công ty cổ phần A, địa chỉ: phường 2, Tp. Vũng Tàu có vốn nhàn rỗi chưa sử dụng đến nên S lấy danh nghĩa là giám đốc công ty TNHH Thanh Huyền để viết giấy đề nghị vay tiền của Công ty cổ phần A để sản xuất kinh D. S đã đưa cho ông Nguyễn Vĩnh L (sinh năm 1943 - giám đốc đại diện Công ty cổ phần A xem các giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938, M393741 giả và đề nghị vay tiền. Tin tưởng giấy tờ nhà đất S đưa là thật nên ngày 01/7/2007, ông L đã đồng ý giữ giấy tờ nhà đất của S và ký hợp đồng cho S vay số tiền 1.900.000.000 đồng, lãi suất 1,75%/ 1 tháng, thời hạn vay 12 tháng. Sau khi nhận tiền của ông L, S đã chiếm đoạt và bỏ trốn.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Bà Trần Thuý N và Nguyễn Thị M.

- Ngày 04/9/2007, S đến gặp Bà Trần Thuý N (sinh năm 1967, địa chỉ: phường 4, T phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) hỏi vay tiền. S nói với bà N công ty của S đang cần tiền để sản xuất kinh D nên thiếu vốn và đưa bà N xem giấy chứng nhận

QSDĐ số W777125 và sơ đồ vị trí đất giả rồi đề nghị thế chấp vay 200.000.000 đồng. Tin tưởng S có tài sản và giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 là thật, nên bà N đồng ý ký hợp đồng cho S vay 200.000.000 đồng rồi hai bên cùng ra công chứng với lãi suất thỏa thuận 2%/1 tháng.

- S và Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác là Mơ, sinh năm 1970, địa chỉ: phường Thắng Tam, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) có mối quan hệ quen biết với nhau. Từ tháng 5/2006 đến hết tháng 12/2006, S đã sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 giả để thế chấp vay tiền của bà M. Tin tưởng giấy chứng nhận QSDĐ S đưa là thật nên bà M đã đồng ý cho S vay 3 lần tổng số tiền 3.050.000.000 đồng, lãi suất 6%/1 tháng, thời hạn 6 tháng. Hai bên lập và ký giấy vay tiền do S viết tay 3 lần như sau: ngày 06/5/2006 cho vay 2.500.000.000 đồng, lần 2: ngày 02/12/2006 cho vay 350.000.000 đồng, ngày 31/12/2006 cho vay 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2006, do cần tiền trả nợ, S đã nhờ Lâm Chí T đứng ra vay bà M giúp mình số tiền 150.000.000 đồng. T đồng ý và làm giả 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/9/1999 đứng tên Lâm Chí T, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m² đất ở, địa chỉ: thị trấn Phước L, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để đưa cho bà M xem và dùng làm tài sản thế chấp vay tiền. Bà M tin tưởng giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 là thật và T có tài sản, nên ngày 27/11/2006, đã đồng ý cho T vay 150.000.000 đồng, lãi suất 6%/1 tháng, thời hạn vay 6 tháng. T và bà M ký giấy vay nợ do S viết tay với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc giấy chứng nhận số 0899821, đồng thời S ký tên xác nhận bảo lãnh khoản tiền vay này. Số tiền chiếm đoạt T đưa S đã giữ toàn bộ.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 6.050.000.000 đồng từ các cá nhân và D nghiệp nêu trên S đã trả nợ và tiêu xài hết rồi bỏ trốn. Đến ngày 08/6/2021, Hồ Thị S bị bắt theo Lệnh truy nã của Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại các bản Kết luận giám định số 970/GĐ ngày 07/11/2007, số 669/GĐ(PC21) ngày 16/11/2009, Kết luận giám định số 100/KLGD-PC09-TL ngày 20/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với các mẫu chữ ký và hình dấu tròn của các giấy tờ nhà đất bị can S và bị can T đưa cho các bị hại giữ làm tin gồm:

- 02 giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 do UBND T phố Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2003 đứng tên Hồ Thị S có chữ ký mang tên “Bùi Văn Hải” và hình dấu tròn đỏ với nội dung “UBND T phố Vũng Tàu - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”;

- 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số M393741 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28/8/1998 đứng tên hộ ông Hồ H3 có chữ ký mang tên “Trương Bình Tâm” và hình dấu tròn đỏ với nội dung “Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”;

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 7201020938 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/8/2001 đứng tên ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1 có chữ ký mang tên “Hồ Văn Niên” và hình dấu tròn đỏ với nội dung “Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”;

- 01 sơ đồ vị trí đất, thửa số 152 (cũ 322), có chữ ký mang tên “Lê Nhựt” ngày 16/5/2003 và hình dấu tròn đỏ với nội dung “phòng địa chính Cộng hoà XHCN Việt Nam * thành phố Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”;

- 01 Giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 30/9/1999 đứng tên Lâm Chí T có chữ ký mang tên “Trương Bình Tâm” và hình dấu tròn đỏ có nội dung “Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”.

Kết luận xác định: các chữ ký “Bùi Văn Hải”, “Hồ Văn Niên”, “Trương Bình Tâm”, “Lê Nhựt” và các hình dấu tròn tại các giấy tờ nhà đất ở trên so sánh với mẫu chữ ký và mẫu hình ảnh dấu của cơ quan, tổ chức do cơ quan điều tra thu thập và đề nghị so sánh “không phải do cùng một người ký ra” và “không phải do cùng một con dấu đóng ra” (bút lục 46 đến 58).

Căn cứ Kết luận giám định lại số 1652/C09B ngày 16/4/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại T phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên” Hồ Văn Niên” và “Trương Bình Tâm”; Hình dấu tròn nội dung “Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” trên các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất ở ngày 24/8/2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 28/8/1998 so sánh với mẫu chữ ký của người có tên và mẫu hình ảnh dấu của cơ quan, tổ chức có tên nêu trên do cơ quan điều tra thu thập và đề nghị so sánh “không phải do cùng một người ký ra” và “không phải do cùng một con dấu đóng ra” (bút lục 53-54).

Căn cứ Biên bản xác minh và công văn số 1722/VPĐK-TTTLT ngày 30/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai cùng với tài liệu cơ quan CSĐT đã thu thập xác định:

- Thửa đất và nhà tại địa chỉ 34/4 Nguyễn Bình Khiêm phường 2, Tp. Vũng Tàu (số mới 56 Nguyễn Bình Khiêm, phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp 3 giấy chứng nhận QSDĐ số W77125, M393741 và 7201020938 cho S và bố mẹ của S là ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1. Năm 2006, S đã sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ thật đưa ông Trần Xuân D (sinh năm 1964, địa chỉ: khu phố 7, phường Long Bình, T phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai) giữ làm tin để vay tiền ông D. Đến ngày 31/5/2007, S ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của các giấy chứng nhận số W77125 cho ông D. Và ngày 24/7/2007, bà Trần Thị H1 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của các giấy chứng nhận số M393741 và 7201020938 cho ông D. Sau khi nhận chuyển nhượng ông D đã cho S thuê lại nhà đất để ở cùng gia

đình. Lợi dụng điều này, S đã làm giả giấy tờ nhà đất để thế chấp vay nợ nhiều cá nhân, D nghiệp nêu trên.

- Thừa đất số 11, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m² đất ở địa chỉ: thị trấn Phước L, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 7202000108 cho Lâm Chí T và bà Nguyễn Thị Hương ngày 07/01/2002. Nhưng do T đã thế chấp rồi chuyển nhượng cho vợ chồng ông D nên ngày 21/11/2008, Ông Trần Xuân D và bà Đặng Thị Th1 được UBND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận QSDĐ và nhà ở số 777512662000224.

Sau khi nhận chuyển nhượng các Quyền sử dụng đất và nhà ở nêu trên ông D đã bán lại cho người khác (bút lục 59 đến 114; 317 đến 376).

Quá trình điều tra, bị can Hồ Thị S và Lâm Chí T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ Cơ quan CSĐT đã thu thập được (bút lục 59 đến 376).

* Phần Dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị can Hồ Thị S và Lâm Chí T phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt và tiền lãi phát sinh như sau:

- Bà Phạm Thị Ch yêu cầu hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng (bút lục 200 – 201);

- Bà Trần Thị H yêu cầu trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng (bút lục 234 – 235);

- Bà Trần Thuý N yêu cầu hoàn trả 200.000.000 đồng và lãi phát sinh với lãi suất 2%/tháng (bút lục 244-245);

- Ông Nguyễn Vĩnh L yêu cầu hoàn trả 1.900.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng. (bút lục 255 và 256);

- Bà Nguyễn Thị M yêu cầu hoàn trả 3.200.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng (bút lục 309 đến 311).

* Vật chứng thu giữ chuyển theo hồ sơ gồm:

- 02 giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 do UBND T phố Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2003 đứng tên Hồ Thị S (do Bà Trần Thuý N và Nguyễn Thị M giao nộp);

- 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số M393741 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28/8/1998 đứng tên hộ ông Hồ H3 (do Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Vĩnh L giao nộp);

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 7201020938 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/8/2001 đứng tên ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1 (do Bà Phạm Thị Ch, Trần Thị H, ông Nguyễn Vĩnh L giao nộp);

- 01 sơ đồ vị trí đất, thửa số 152 (cũ 322), có chữ ký mang tên “Lê Nhựt” ngày 16/5/2003 (do Bà Trần Thuý N giao nộp);

- Giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/9/1999 đứng tên Lâm Chí T, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m² đất ở, địa chỉ: thị trấn Phước L, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (do Bà Nguyễn Thị M giao nộp). (bút lục 207, 246, 254, 306, 312). Toàn bộ vật chứng đã được giám định là giả.

- Đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Hồ Thị S và Lâm Chí T đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không xem xét là có căn cứ.

- Đối với bà Trần Thị H1 (mẹ của S): Bà H1 thấy S cần tiền trả nợ và được S nhờ ký vào các hợp đồng vay nên bà H1 đã đồng ý. Bà H1 không biết việc S đã sử dụng giấy tờ nhà đất giả đem đi thế chấp lừa người khác để chiếm đoạt tiền. Bà H1 đã chết nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố bị cáo Hồ Thị S, Lâm Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng; trong bản luận tội vị đại diện Viện kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tuyên bố các bị cáo Hồ Thị S, Lâm Chí T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt, đối với bị cáo Hồ Thị S đề nghị áp dụng **điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 16 đến 18 năm tù; đối với bị cáo Lâm Chí T đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 13 đến 15 năm tù.**

Về bồi thường dân sự đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của các bị hại. Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Biên Phòng tranh luận: Qua tham gia vụ án Ny từ đầu và tham gia phiên tòa, luật sư nhận thấy các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội và công nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là đúng người, đúng tội. Từ đó luật sư không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự luật sư thống nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng **điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo.**

Ngoài ra các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn; mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có nặng, từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho cả 02 bị cáo.

Bị cáo Hồ Thị S, Lâm Chí T đồng ý quan điểm của luật sư nên không bào chữa thêm; trong lời nói sau cùng 02 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung **sự việc** như sau:

Từ năm 2006 đến năm 2007, do cần tiền trả nợ nên Hồ Thị S đã nhờ Lâm Chí T làm giả giấy tờ nhà đất của gia đình S tại địa chỉ: 34/4 Nguyễn Bình Khiêm (nay là 56 Nguyễn Bình Khiêm), phường 2, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để lừa thế chấp giấy tờ nhà đất giả nói trên vay tiền với lãi suất cao rồi chiếm đoạt. Biết S đang vay nợ nhiều người không có khả năng trả nợ nhưng T vẫn đồng ý giúp S làm giả 01 sơ đồ vị trí nhà đất và 7 giấy tờ nhà đất. S đã sử dụng các giấy tờ nhà đất do T làm giả rồi trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 4 cá nhân và 1 D nghiệp gồm:

1. Ngày 19/8/2006, S sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938 giả thế chấp để chiếm đoạt 500.000.000 đồng của Bà Phạm Thị Ch;

2. Ngày 28/8/2006 S đã sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938, M393741 giả để chiếm đoạt 250.000.000 đồng của Bà Trần Thị H;

3. Năm 2006, S sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 giả để thế chấp chiếm đoạt tiền của Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác là Mơ) 3 lần với tổng số tiền 3.050.000.000 đồng.

4. Ngày 01/7/2007, S lấy danh nghĩa là giám đốc công ty TNHH Thanh Huyền, sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ số 7201020938, M393741 giả thế chấp vay tiền chiếm đoạt 1.900.000.000 đồng của Công ty cổ phần A do ông Nguyễn Vĩnh L - giám đốc đại diện;

5. Ngày 04/9/2007, S sử dụng chứng nhận QSDĐ số W777125 và 01 sơ đồ vị trí đất giả để lừa thế chấp chiếm đoạt 200.000.000 đồng của Bà Trần Thuý N;

Ngoài ra, ngày 27/11/2006, S cùng T sử dụng 01 giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 giả T đứng tên chủ sở hữu và do T làm ra để lừa bà M vay 150.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền của bà M, T đã đưa toàn bộ tiền cho S.

Tổng số tiền S và T đã chiếm đoạt của 4 cá nhân và 01 D nghiệp là 6.050.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền S và T đã bỏ trốn. Ngày 08/6/2021 thì S bị bắt theo lệnh truy nã. Còn T bị bắt tạm giam từ ngày 01/9/2021.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận bị cáo Hồ Thị S, Lâm Chí T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Do các bị cáo phạm tội năm 2006 khi Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì nhận thấy hành vi của các bị cáo được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có lợi hơn Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nên áp dụng đối với các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản được Nhà nước bảo vệ. Các bị cáo là người đã T niên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích cá nhân mà nhiều lần cố ý dùng các thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần có một mức án tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo thực hiện việc phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S, T đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S chưa được xoá án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý về tội phạm rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- 02 giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 do UBND T phố Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2003 đứng tên Hồ Thị S (do Bà Trần Thuý N và Nguyễn Thị M giao nộp);

- 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số M393741 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28/8/1998 đứng tên hộ ông Hồ H3 (do Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Vĩnh L giao nộp);

- 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 7201020938 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/8/2001 đứng tên ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1 (do Bà Phạm Thị Ch, Trần Thị H, ông Nguyễn Vĩnh L giao nộp);

- 01 sơ đồ vị trí đất, thửa số 152 (cũ 322), có chữ ký mang tên “Lê Nhựt” ngày 16/5/2003 (do Bà Trần Thuý N giao nộp);

- Giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/9/1999 đứng tên Lâm Chí T, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m² đất ở, địa chỉ: thị trấn Phước L, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (do Bà Nguyễn Thị M giao nộp).

Toàn bộ vật chứng trên đã được giám định là giả nên cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại yêu cầu các bị cáo Hồ Thị S và Lâm Chí T phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt và tiền lãi phát sinh như sau:

- Bà Phạm Thị Ch yêu cầu hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng; Bà Trần Thị H yêu cầu trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng; Bà Trần Thuý N yêu cầu hoàn trả 200.000.000 đồng và lãi phát sinh với lãi suất 2%/tháng; ông Nguyễn Vĩnh L yêu cầu hoàn trả 1.900.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng; Bà Nguyễn Thị M yêu cầu hoàn trả 3.200.000.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng.

Hồ Thị S và Lâm Chí T đã chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng của Bà Phạm Thị Ch; chiếm đoạt 250.000.000 đồng của Bà Trần Thị H; chiếm đoạt 200.000.000 đồng của Bà Trần Thuý N; chiếm đoạt 3.200.000.000 đồng của Bà Nguyễn Thị M; chiếm đoạt 1.900.000.000 đồng của Công ty cổ phần A do ông Nguyễn Vĩnh L làm

Giám đốc nên chấp nhận một phần yêu cầu của các bị hại. Buộc Hồ Thị S và Lâm Chí T hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng cho Bà Phạm Thị Ch; hoàn trả số tiền 250.000.000 đồng cho Bà Trần Thị H; hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng cho Bà Trần Thuý N; hoàn trả số tiền 3.200.000.000 đồng cho Bà Nguyễn Thị M; hoàn trả số tiền 1.900.000.000 đồng cho Công ty cổ phần A do ông Nguyễn Vĩnh L làm Giám đốc.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Thị S, Lâm Chí T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hồ Thị S 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

2/ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lâm Chí T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2021.

II. Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc Hồ Thị S và Lâm Chí T chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền như sau:

1/ Trả cho Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 5 Phan Bội Châu, phường 2, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 500.000.000 đồng.

2/ Trả cho Bà Trần Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: số 432 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 250.000.000 đồng.

3/ Trả cho Bà Trần Thuý N, sinh năm 1967. Địa chỉ: số 79 Ba Cu, phường 4, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 200.000.000 đồng.

4/ Trả cho Bà Nguyễn Thị M (Mơ) sinh năm 1970. Địa chỉ: số 28 Nguyễn Bình Khiêm, phường Thắng Tam, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 3.200.000.000 đồng.

5/ Trả cho Công ty cổ phần A. Địa chỉ: số 17 Hồ Quý Ly, phường 2, T phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần A: ông Nguyễn Vĩnh L – Giám đốc số tiền 1.900.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu

thêm phần lãi suất tính trên số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu cùng hồ sơ vụ án các giấy tờ giả: 02 giấy chứng nhận QSDĐ số W777125 do UBND T phố Vũng Tàu cấp ngày 21/7/2003 đứng tên Hồ Thị S; 02 Giấy chứng nhận QSDĐ số M393741 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28/8/1998 đứng tên hộ ông Hồ H3; 03 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 7201020938 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/8/2001 đứng tên ông Hồ H3 và bà Trần Thị H1; 01 sơ đồ vị trí đất, thửa số 152 (cũ 322), có chữ ký mang tên “Lê Nhựt” ngày 16/5/2003; Giấy chứng nhận QSDĐ số 0899821 do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/9/1999 đứng tên Lâm Chí T, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m² đất ở, địa chỉ: thị trấn Phước L, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

IV. Về án phí:

- Bị cáo Hồ Thị S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 92.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lâm Chí T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 92.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

V. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo và **hại có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình** lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại T phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Thiện

